

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Lâm Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 586/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993

Địa chỉ thường trú: D7 đường N, phường N, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 212B/D7 đường N, phường N, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Hoàng A, sinh năm 1993

Địa chỉ thường trú: 97/32 (số cũ 97/16B) đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Bà và ông A quen biết, tìm hiểu và yêu nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 161 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng gia đình bên chồng, từ khi về chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách có nhiều khác biệt, hơn nữa trong lúc vợ chồng gây cãi nhau ông A đã nhiều có hành vi bạo lực với bà. Tuy nhiên hiện nay bà không còn lưu giữ các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông A có hành vi bạo lực với bà nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Từ tháng 12/2020, mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, hai bên không còn hòa hợp về mọi mặt nên bà đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông A nữa, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống, bà yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn Hoàng A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/11/2017 và tên Nguyễn Tùng L, sinh ngày 24/9/2019. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tùng L cho đến khi thành niên; giao con chung tên Nguyễn Phước L cho ông A trực tiếp nuôi đến khi thành niên; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Hoàng A trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian chung sống và ly thân. Ông A xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách hai bên có nhiều khác biệt, thường xuyên gây cãi nhau. Tuy nhiên trong quá trình chung sống ông chỉ đánh bà T 01 lần trong lúc vợ chồng gây cãi nhau chứ không có thường xuyên có hành vi bạo lực với bà T. Ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng còn do hai bên bất đồng nhau về cách nuôi dạy con và về vấn đề kinh tế nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hiện nay mặc dù hai bên không còn sự chia sẻ, giúp đỡ, hỗ trợ nhau về mọi mặt trong cuộc sống nhưng bản thân ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông A đồng ý trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/11/2017 cho đến khi thành niên; giao con chung tên Nguyễn Tùng L, sinh ngày 24/9/2019 cho bà T trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn ông A vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và xác nhận bản thân ông có hành vi đánh vợ là sai, mong muốn Hội

đồng xét xử cho thêm thời gian ít nhất 02 năm để ông có thể sửa chữa, khắc phục những thiếu sót tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 12/CV-VKS-HNGĐ ngày 07/3/2023 về việc không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Hoàng A có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A phát sinh từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[5]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung, trong lúc vợ chồng gây cãi ông A thường xuyên dùng vũ lực với bà làm cho bà rất bất an về tinh thần. Từ tháng 12/2020, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông A, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn Hoàng A xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do tính cách hai bên có nhiều khác biệt, thường xuyên gây cãi nhau, ông thừa nhận trong quá trình chung sống có đánh bà T một lần khi vợ chồng gây cãi. Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con và về vấn đề kinh tế làm cho mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, hiện nay ông A xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà T.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”. Qua lời trình bày của bà T và ông A thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên bất đồng quan điểm về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung. Ông A xác định còn tình cảm với bà T nhưng xét thấy tình cảm từ một phía của ông A không thể tạo nên tình nghĩa vợ chồng, nền tảng hạnh phúc gia đình cần phải có sự cùng nhau vun đắp, xây dựng hạnh phúc của cả vợ và chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ

chứng minh việc ông A đã nhiều lần có hành vi bạo lực với bà nhưng ông A thừa nhận có đánh bà T trong lúc vợ chồng gây cãi nhau là thể hiện việc ông A đã có hành vi bạo lực gia đình đối với vợ. Ngoài ra, ông A còn xác nhận giữa vợ chồng còn có mâu thuẫn về kinh tế và cách nuôi dạy con làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/11/2017 và tên Nguyễn Tùng L, sinh ngày 24/9/2019. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tùng L cho đến khi thành niên; giao con chung tên Nguyễn Phước L cho ông A trực tiếp nuôi đến khi thành niên; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A xác định trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông đồng ý với yêu cầu nuôi con của bà T.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của bà T và ông A sau khi ly hôn, giao con chung tên Nguyễn Phước L cho ông A trực tiếp nuôi đến khi thành niên, giao con chung tên Nguyễn Tùng L cho bà T trực tiếp nuôi con đến khi thành niên; ghi nhận sự tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của bà T và ông A.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 189, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T đối với ông Nguyễn Văn Hoàng A.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A có 02 con chung tên Nguyễn Phước L, sinh ngày 21/11/2017 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 24/9/2019.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau:

- Giao trẻ Nguyễn Phước L cho ông Nguyễn Văn Hoàng A trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên.

- Giao trẻ Nguyễn Tùng L cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bên còn lại.

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bà Nguyễn Ngọc T hoặc ông Nguyễn Văn Hoàng A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Ngọc T hoặc ông Nguyễn Văn Hoàng A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên còn lại.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 161 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012544 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân phường N, Quận M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phúc Trường